# TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 24, 20/06/2025

## Dòng tiền cần dứt khoát hơn để bước qua ngưỡng tâm lý

**Tiêu điểm:**

- Căng thẳng giữa Iran và Israel tiếp diễn leo thang, giá hàng hóa như dầu, khí, phân bón tăng vọt.
- Fed giữ nguyên lãi suất, phát tín hiệu sẽ cắt giảm 2 lần trong năm nay, giữa bối cảnh triển vọng kinh tế khó khăn, với tăng trưởng yếu, thất nghiệp tăng và giá cả leo thang.
- GDP quý 2 Việt Nam có thể đạt 7.6%, tương ứng 6 tháng đạt 7.3%, thuộc nhóm tăng trưởng cao nhất khu vực, thế giới.

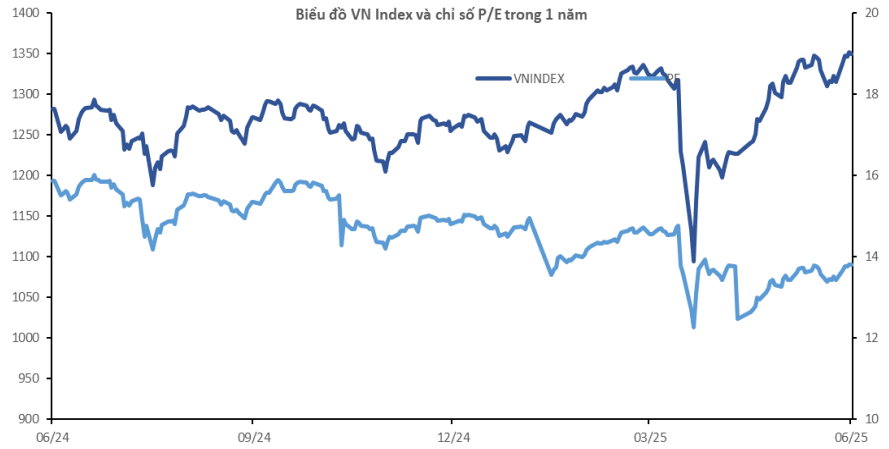
**Đánh giá:** Với việc Fed tạm thời không có động thái mới và thiếu vắng các dữ liệu kinh tế quan trọng, sự tập trung của thị trường giờ đây sẽ dồn vào xung đột Israel-Iran cùng với các cuộc đàm phán về thương mại và thuế quan. Trước những sức ép từ nhiều hướng, nhà đầu tư giao dịch thận trọng hơn, khiến thị trường thiếu đi động lực tăng trưởng rõ ràng.

**Góc nhìn kĩ thuật:** VN-Index đóng cửa tuần tại 1,349 điểm (+33.86 điểm, +2.6%), xuất hiện trạng thái rung lắc quanh vùng đỉnh. Những nỗ lực tăng điểm trong tuần qua chủ yếu đến từ nhóm cổ phiếu ngân hàng. Nhìn chung, thị trường vẫn đang thiếu phiên có dòng tiền dứt khoát để tạo thành xu hướng tăng. Mặc dù vậy, thị trường đã có tín hiệu tích cực từ nhóm cổ phiếu ngân hàng để có thể kỳ vọng vào xu hướng tăng sắp tới. Để vào xu hướng tăng, VN-Index cần xuất hiện nhóm cổ phiếu dẫn dắt mang tính lan tỏa thị trường.

**Ý tưởng đầu tư:** Nhà đầu tư tạm ngừng mua mới với những cổ phiếu đã tăng cao, vì dòng tiền có thể chốt lời và chuyển qua nhóm cổ phiếu đang giao dịch dưới MA 200/MA 50. Cho vị thế mua mới có thể ưu tiên nhóm bất động sản, thép, ngân hàng đang nằm ở vùng thấp và có nền tích lũy, tuy nhiên tỉ trọng giải ngân cũng nên giữ ở mức thấp.

| Dữ liệu thị trường tuần | | % Thay đổi | | | | | Định giá | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tên chỉ số | Giá đóng cửa | 1W | 1M | 3M | YTD | Xu hướng | P/E | P/B | Vốn hóa (Tỷ USD) |
| VN-Index | 1,349 | 2.6 | 2.6 | 1.9 | 6.5 | | 13.8 | 1.7 | 222 |
| Upcom Index | 99 | 1.7 | 3.6 | 0.0 | 4.3 | | 12.6 | 1.3 | 29 |
| HNX Index | 227 | 1.0 | 4.3 | -7.6 | -0.2 | | 21.0 | 1.2 | 12 |
| VN30 Index | 1,435 | 2.4 | 2.0 | 4.1 | 6.7 | | 10.9 | 1.7 | 153 |
| S&P 500 Index | 5,981 | 0.1 | 0.7 | 5.6 | 1.7 | | 25.4 | 5.1 | 52,676 |
| STOXX Europe 600 Index | 538 | -1.2 | -2.8 | -2.6 | 6.1 | | 15.2 | 2.0 | 15,966 |
| Hang Seng | 23,530 | -1.5 | -0.6 | -2.8 | 17.3 | | 11.1 | 1.3 | 3,436 |
| Nikkei 225 | 38,403 | 1.5 | 2.3 | 1.7 | -3.7 | | 17.8 | 2.0 | 4,867 |
| SHCOMP Index | 3,360 | -0.5 | -0.6 | -1.4 | 0.2 | | | 1.4 | 7,329 |
| STI Index | 3,895 | -0.4 | 0.3 | -0.9 | 2.8 | | 12.0 | 1.3 | 458 |
| KOSPI Index | 3,022 | 4.4 | 16.1 | 14.6 | 25.9 | | 13.7 | 1.0 | 1,734 |

Nguồn: Bloomberg




Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
☎ (84-28) 5808 7603
✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

# WEEKLY SNAPSHOT
## Theo vốn hóa và ngành

| | | | | | % Thay đổi GTGD | | | | % Tỷ trọng GTGD | | Định giá | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Giá trị vốn hóa** | **1W** | **1M** | **3M** | **YTD** | **1W** | **1M** | **3M** | **YTD** | **Current** | **Change** | **P/E** | **P/B** | **Vốn hóa (Tỷ VND)** |
| Large Cap | 2.6 | 4.5 | 1.8 | 9.1 | -7.6 | -9.2 | -6.9 | 9.7 | 23.5 | 0.1 | 13.1 | 1.8 | 5,068,167 |
| Mid Cap | 1.6 | 4.4 | -1.8 | -1.2 | -9.5 | -9.6 | -2.8 | 7.5 | 27.0 | -0.5 | 15.4 | 1.3 | 500,135 |
| Small Cap | 0.3 | 0.2 | -0.7 | -0.1 | -7.0 | -13.3 | -8.2 | 9.0 | 49.5 | 0.4 | 204.4 | 0.7 | 64,726 |

**Theo ngành**

| | | | | | % Thay đổi GTGD | | | | % Tỷ trọng GTGD | | Định giá | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tên ngành** | **1W** | **1M** | **3M** | **YTD** | **1W** | **1M** | **3M** | **YTD** | **Current** | **Change** | **P/E** | **P/B** | **Vốn hóa (Tỷ VND)** |
| Hóa chất | 6.1 | 7.9 | -9.7 | -5.4 | -11.0 | -18.2 | -15.6 | 12.8 | 5.0 | -0.2 | 18.7 | 1.9 | 218,881 |
| Tiện ích | 4.2 | 6.5 | 1.3 | 1.2 | -5.3 | 2.6 | 0.0 | 14.6 | 10.5 | 0.3 | 20.3 | 1.9 | 295,657 |
| Ngân hàng | 2.8 | 3.2 | -2.9 | 3.8 | -13.6 | -26.1 | -32.6 | -28.4 | 2.6 | -0.2 | 9.2 | 1.6 | 2,186,795 |
| Thực phẩm và đồ uống | 2.6 | 4.2 | -1.4 | -4.1 | -14.3 | -35.4 | -28.3 | -18.4 | 2.1 | -0.2 | 17.5 | 2.4 | 405,130 |
| Bảo hiểm | 2.4 | 4.2 | -2.4 | -1.4 | -35.7 | -13.8 | 6.1 | 0.0 | 0.3 | -0.1 | 15.2 | 1.6 | 50,467 |
| Tài chính | 2.4 | 3.0 | -9.4 | 0.3 | -6.1 | 4.6 | 5.9 | 15.3 | 7.6 | 0.1 | 18.2 | 1.4 | 198,068 |
| Xây dựng và vật liệu | 2.0 | 1.0 | -1.6 | 3.7 | -10.3 | -12.7 | 3.2 | 14.0 | 13.3 | -0.4 | 18.8 | 1.4 | 132,487 |
| Bất động sản | 2.0 | 7.2 | 22.7 | 45.2 | 6.4 | -4.2 | -7.5 | 2.6 | 14.5 | 1.9 | 20.0 | 1.6 | 1,001,508 |
| Tài nguyên cơ bản | 1.9 | 4.3 | -1.9 | -2.3 | -11.8 | -18.3 | -13.2 | -1.4 | 7.4 | -0.3 | 15.0 | 1.4 | 213,038 |
| Bán lẻ | 1.9 | 3.1 | 6.5 | 3.9 | -7.2 | -6.0 | 0.4 | 15.5 | 5.1 | 0.0 | 28.0 | 3.6 | 135,188 |
| Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp | 1.8 | 4.9 | 14.1 | 23.6 | -6.8 | -18.9 | -14.7 | 12.4 | 12.2 | 0.1 | 16.7 | 2.1 | 214,498 |
| Dầu khí | 1.6 | 8.8 | -5.3 | 92.6 | 1.3 | 32.6 | 50.6 | 70.3 | 1.9 | 0.2 | 33.7 | 1.5 | 118,494 |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 1.6 | 1.6 | -9.4 | -15.7 | -21.6 | -25.5 | -13.1 | 13.8 | 5.5 | -1.0 | 11.7 | 1.6 | 53,408 |
| Dược và Y tế | 1.0 | -1.1 | -0.2 | -3.1 | -17.9 | -23.6 | -9.0 | 6.8 | 3.9 | -0.5 | 18.0 | 2.2 | 39,103 |
| Công nghệ Thông tin | 0.7 | -1.4 | -9.5 | -22.6 | -4.8 | -18.2 | -6.8 | -16.8 | 0.3 | 0.0 | 6.9 | 4.6 | 187,799 |
| Ô tô & Phụ tùng | -0.4 | 11.8 | 15.0 | 14.6 | -25.5 | -20.4 | -24.4 | -13.3 | 3.2 | -0.8 | 21.1 | 1.3 | 16,727 |
| Du lịch và Giải trí | -0.4 | 6.5 | 9.0 | 8.2 | 6.5 | 11.7 | 17.2 | 30.0 | 1.1 | 0.2 | 14.2 | 10.7 | 140,592 |
| Truyền thông | -4.8 | 1.9 | -14.4 | -3.0 | 10.5 | 0.6 | 12.7 | 31.4 | 3.6 | 0.6 | 18.6 | 1.5 | 2,854 |

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

# WEEKLY SNAPSHOT

## Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

| Tên ETF | Tài sản (Triệu USD ) | Dòng vốn ròng (Triệu USD) | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 1W | 1M | 3M | YTD |
| **Tổng các quỹ ETF** | **2,401** | -3.7 | -36.1 | -158.8 | -253.7 |
| **Nước ngoài** | **1,584** | -3.7 | -28.3 | -130.8 | -202.3 |
| VanEck Vectors Vietnam ETF | 414 | 0.0 | 3.5 | -26.0 | -58.0 |
| Fubon FTSE Vietnam ETF | 533 | -3.7 | -19.6 | -85.5 | -119.2 |
| iShares MSCI Frontier and Select EM ETF | 188 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | -1.4 |
| Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF | 263 | 0.0 | -12.2 | -19.3 | -23.7 |
| KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF | 168 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| Premia MSCI Vietnam ETF | 5 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| KIM KINDEX Vietnam VN30 Future | 2 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| Asian Growth CUBS ETF | 10 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| **Trong nước** | **817** | -0.1 | -7.8 | -27.9 | -51.4 |
| DCVFMVN Diamond ETF | 540 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| DCVFMVN30 ETF Fund | 223 | 0.0 | -5.5 | -23.6 | -49.4 |
| SSIAM VNFIN LEAD ETF | 16 | 0.0 | -2.2 | -3.6 | -4.5 |
| MAFN VN30 ETF | 24 | 0.0 | 0.1 | 0.4 | 3.5 |
| SSIAM VNX50 ETF | 5 | -0.1 | -0.2 | -0.4 | -0.4 |
| VinaCapital VN100 ETF | 4 | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| SSIAM VN30 ETF | 6 | 0.0 | -0.1 | -0.7 | -0.7 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

| Quốc gia | Dòng vốn ròng (Triệu USD) | | | |
|---|---|---|---|---|
| | WTD | MTD | QTD | YTD |
| Trung Quốc* | n.a | 4,272 | 8,606 | 8,606 |
| Ấn độ | -53 | -145 | 2,864 | -10,673 |
| Indonesia | -109 | -317 | -1,213 | -3,043 |
| Nhật Bản* | 3,286 | 4,530 | 43,437 | 6,091 |
| Maylaysia | -85 | -282 | -462 | -2,704 |
| Hàn Quốc | 249 | 3,848 | -2,219 | -7,529 |
| Sri Lanka | 0 | -2 | 1 | -35 |
| Đài Loan | -74 | 445 | 7,843 | -10,447 |
| Thái Lan | -184 | -238 | -1,159 | -2,331 |
| Việt Nam | 17 | -48 | -542 | -1,546 |

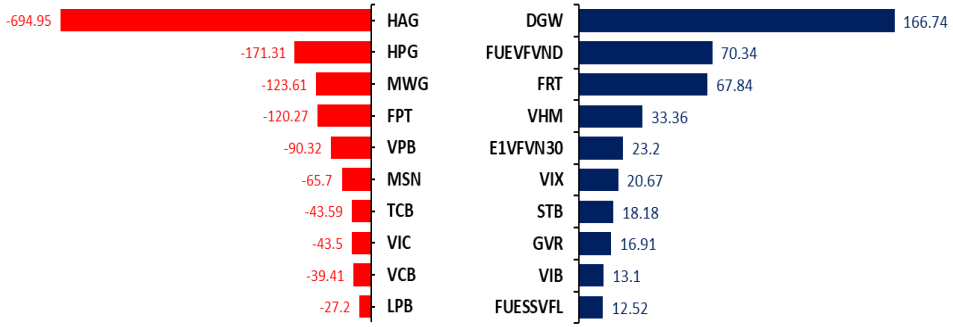
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

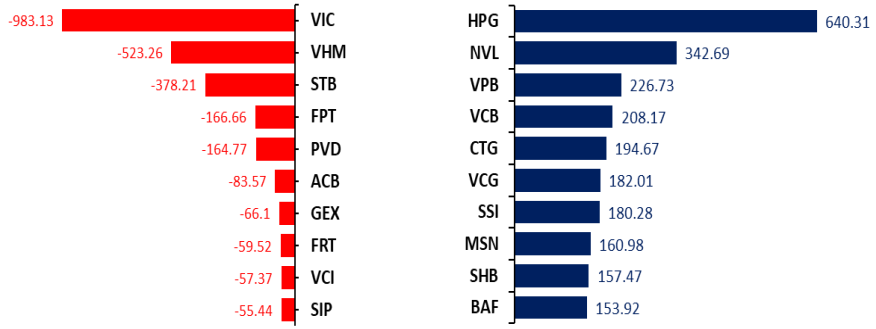
# WEEKLY SNAPSHOT

## Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

### Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)




### Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)




Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

### Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

| Ngành ICB cấp 2 | Tự doanh (tỷ VND) | Nước ngoài (tỷ VND) | Cá nhân trong nước (tỷ VND) | Tổ chức trong nước (tỷ VND) |
|---|---|---|---|---|
| Bất động sản | -45 | -296 | 139 | 157 |
| Tài nguyên Cơ bản | -173 | 426 | -72 | -354 |
| Truyền thông | 0 | 0 | -23 | 23 |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -16 | -149 | 384 | -235 |
| Y tế | 0 | -4 | -3 | 7 |
| Hóa chất | 2 | 139 | -145 | 6 |
| Dịch vụ tài chính | 148 | -108 | -109 | 217 |
| Du lịch và Giải trí | -15 | -79 | -28 | 108 |
| Ngân hàng | -251 | 146 | 566 | -712 |
| Xây dựng và Vật liệu | 14 | 82 | -30 | -53 |
| Thực phẩm và đồ uống | -784 | 78 | 128 | -206 |
| Bán lẻ | 111 | 134 | 35 | -169 |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 7 | 101 | -43 | -58 |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | -11 | 35 | -67 | 31 |
| Công nghệ Thông tin | -120 | -16 | 293 | -277 |
| Ô tô và phụ tùng | -1 | -16 | 10 | 5 |
| Bảo hiểm | 0 | 25 | -30 | 5 |
| Dầu khí | -2 | -153 | -78 | 230 |
| **Tổng** | -1,134 | 345 | 929 | -1,274 |

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Ghi chú: Dữ liệu chưa bao gồm phiên thứ 6 trong tuần



Shinhan Securities

# WEEKLY SNAPSHOT
## Top cổ phiếu đáng chú ý

### HSX

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | HMC | Tài nguyên Cơ bản | 3.33 - 13.60 | 11.1 | -10.2% |
| 2 | SC5 | Xây dựng và Vật liệu | 15.40 - 24.35 | 15.8 | -6.3% |
| 3 | YEG | Truyền thông | 8.03 - 22.63 | 12.6 | -6.0% |
| 4 | HRC | Hóa chất | 12.50 - 72.50 | 31.1 | -5.9% |
| 5 | TN1 | Bất động sản | 9.26 - 12.40 | 10.7 | -5.8% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 21.2% | 2.6 | 1.60 - 2.94 | Bất động sản | LDG |
| 16.8% | 3.7 | 2.37 - 3.87 | Bất động sản | LGL |
| 12.8% | 59.9 | 13.05 - 69.60 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | SVI |
| 12.0% | 59.0 | 48.85 - 60.00 | Thực phẩm và đồ uống | KDC |
| 10.8% | 59.9 | 26.38 - 47.70 | Xây dựng và Vật liệu | DPG |

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

### HNX

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | SGH | Du lịch và Giải trí | 20.80 - 46.70 | 22.0 | -18.5% |
| 2 | VCM | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 5.60 - 14.00 | 6.6 | -16.5% |
| 3 | SVN | Xây dựng và Vật liệu | 2.80 - 8.50 | 5.5 | -12.7% |
| 4 | CPC | Hóa chất | 16.70 - 22.90 | 17.4 | -11.2% |
| 5 | VMS | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 16.70 - 27.90 | 20.6 | -10.0% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 28.0% | 16.9 | 13.10 - 27.00 | Truyền thông | HEV |
| 24.3% | 8.7 | 6.70 - 11.30 | Xây dựng và Vật liệu | VE3 |
| 23.4% | 65.4 | 35.90 - 68.00 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | VNC |
| 20.0% | 9.0 | 5.40 - 12.20 | Ô tô và phụ tùng | CMC |
| 20.0% | 13.2 | 9.80 - 15.90 | Truyền thông | SGD |

### Upcom

**Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất**

| TT | Mã CP | Ngành | 52 Tuần | Giá đóng cửa | % Thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VDT | Tài nguyên Cơ bản | 11.20 - 25.30 | 11.4 | -39.0% |
| 2 | TSG | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 12.00 - 24.00 | 12.8 | -36.0% |
| 3 | VUA | Dịch vụ tài chính | 10.60 - 23.10 | 10.8 | -27.0% |
| 4 | TNP | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 21.30 - 30.10 | 21.9 | -25.8% |
| 5 | LUT | Xây dựng và Vật liệu | 9.10 - 20.10 | 14.4 | -25.0% |

**Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất**

| % Thay đổi | Giá đóng cửa | 52 Tuần | Ngành | Mã CP |
|---|---|---|---|---|
| 58.2% | 10.6 | 6.70 - 10.60 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | NDW |
| 40.0% | 5.6 | 3.50 - 5.90 | Công nghệ Thông tin | VTE |
| 39.4% | 35.0 | 25.10 - 40.80 | Truyền thông | FHS |
| 39.0% | 11.4 | 8.20 - 13.30 | Viễn thông | PTP |
| 33.3% | 0.8 | 0.60 - 1.20 | Ô tô và phụ tùng | VKC |

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

**Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước**

| STT | Mã | Tên công ty | Ngành | Giá trị giao dịch | | Giá cổ phiếu | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | TB Ngày (Triệu VND) | %1W | Giá (nghìn VND) | Biến động 52 tuần | %1W |
| 1 | TBC | Thủy điện Thác Bà | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 813.3 | 349.4 | 38.1 | 3.65 - 5.73 | 7.3 |
| 2 | SJS | SUDICO | Bất động sản | 1,677.0 | 228.4 | 100.4 | 60.50 - 110.00 | 9.5 |
| 3 | DCL | Dược phẩm Cửu Long | Y tế | 55,855.8 | 159.6 | 26.0 | 19.00 - 31.50 | -2.6 |
| 4 | VSH | Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 7,801.8 | 146.5 | 45.7 | 2.13 - 54.90 | -5.6 |
| 5 | SGR | Địa ốc Sài Gòn | Bất động sản | 19,731.9 | 142.5 | 30.3 | 23.20 - 49.45 | 7.8 |
| 6 | AST | Chứng khoán DNSE | Bán lẻ | 1,774.4 | 129.1 | 63.7 | 46.00 - 68.00 | -1.1 |
| 7 | BFC | Phân bón Bình Điền | Hóa chất | 60,234.6 | 59.3 | 47.6 | 32.65 - 50.10 | 8.4 |
| 8 | DPM | Đạm Phú Mỹ | Hóa chất | 256,197.0 | 57.8 | 38.4 | 27.45 - 39.50 | 7.7 |
| 9 | BCG | Bamboo Capital | Dịch vụ tài chính | 21,300.9 | 55.7 | 3.1 | 2.79 - 8.37 | 7.4 |
| 10 | CTD | Xây dựng Coteccons | Xây dựng và Vật liệu | 122,170.7 | 55.6 | 83.5 | 57.30 - 97.80 | 4.1 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

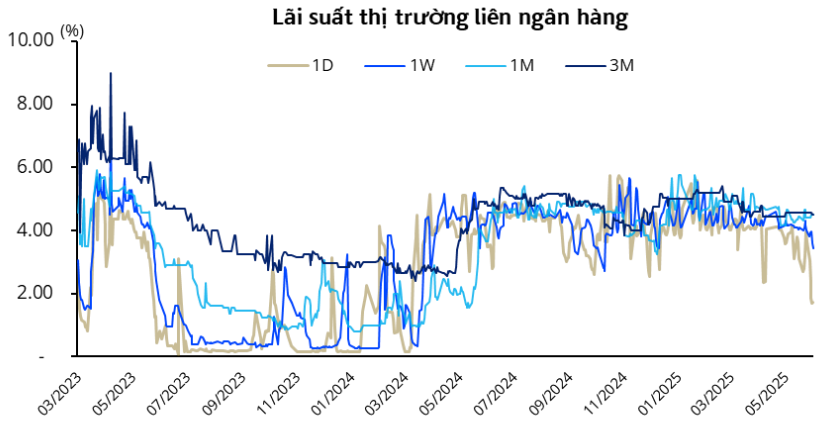
### Tỷ giá

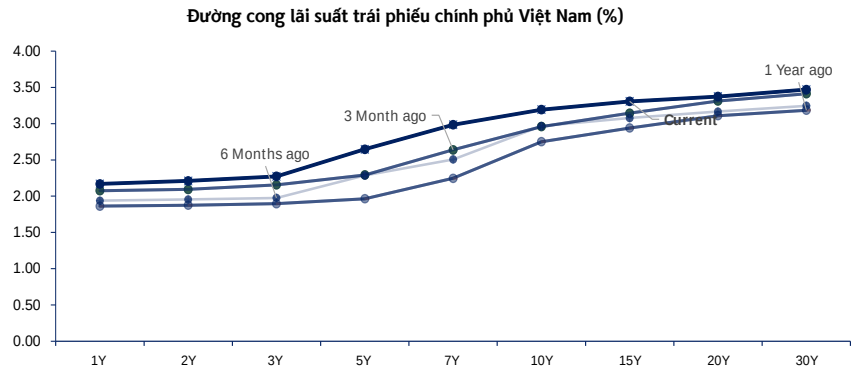
| | Giá | %1W | %1M | %3M | %YTD | Xu hướng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 98.61 | 0.7 | -1.5 | -5.1 | -9.1 | |
| VND/USD | 26,133 | 0.2 | 0.7 | 2.3 | 2.5 | |
| KRW/USD | 1,369.20 | 0.4 | -1.8 | -6.7 | -7.0 | |
| JPY/USD | 145.29 | 0.8 | 0.5 | -2.3 | -7.6 | |
| EUR/USD | 0.87 | 0.2 | -2.1 | -5.8 | -10.2 | |
| SGD/USD | 1.28 | 0.2 | -0.8 | -3.8 | -5.9 | |
| CNY/USD | 7.18 | 0.0 | -0.5 | -0.9 | -1.6 | |

### Hàng hóa

| | Giá (USD) | %1W | %1M | %3M | %YTD | Xu hướng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Dầu thô | 75.96 | 11.6 | 21.4 | 11.3 | 5.9 | |
| Xăng | 233.87 | 9.1 | 8.7 | 6.7 | 16.8 | |
| Gas | 4.08 | 16.9 | 19.1 | 2.7 | 12.3 | |
| Than | 107.00 | 2.3 | 7.8 | 9.7 | -14.6 | |
| Vàng | 3,358.32 | -2.2 | 2.1 | 10.3 | 28.0 | |
| Bạc | 36.11 | -0.5 | 9.1 | 7.5 | 24.9 | |
| Platinum | 1,295.51 | 5.5 | 22.4 | 30.9 | 42.7 | |
| Quặng sắt | 94.71 | -1.1 | -5.4 | -7.5 | -8.6 | |
| Thép cán | 3,205.00 | 0.3 | -3.0 | -4.9 | -7.7 | |
| Lúa mì | 568.00 | 7.9 | 4.0 | 1.9 | 3.0 | |
| Ngô | 433.75 | -1.1 | -4.6 | -7.5 | -5.4 | |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam




| TG đáo hạn | 1 Yr | 2 Yrs | 3 Yrs | 5 Yrs | 7 Yrs | 10 Yrs | 15 Yrs | 20 Yrs | 30 Yrs |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Lãi suất | 2.17 | 2.21 | 2.27 | 2.65 | 2.99 | 3.19 | 3.31 | 3.15 | 3.08 |
| Thay đổi (WoW) | 3.60 | 3.50 | 4.20 | 10.90 | 6.90 | 3.70 | 4.60 | 2.90 | 3.10 |

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

# Danh sách cổ phiếu theo dõi

## Danh sách theo dõi

| STT | Cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Vùng mua tiềm năng | Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VHC | 57.6 | 62.5 | 52.8 | 8.5% | Căng thẳng thương mại đang được dịu xuống. Dòng tiền tham gia tốt với VHC tại vùng đáy |
| 2 | VGC | 43.4 | 49.3 | 44.0 | 13.6% | VGC đang tích lũy gần khu vực MA 200 với vài phiên thanh khoản tốt cho thấy dấu hiệu dòng tiền đang tham gia. |
| 3 | MWG | 64.1 | 69.0 | 60-62 | 7.6% | MWG đã quay lại test MA 200 một lần nữa và vùng tích lũy gần 4 tháng trước đây. Cổ phiếu có dấu hiệu phản ứng tốt, chờ đợi nhịp điều chỉnh có thể mua mới |

# Mạng lưới Shinhan Investment

## SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co,. Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

# Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

## Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

## Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.